

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 65/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 173/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Hoàng V, sinh năm 1988; cư trú tại: Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; cư trú tại: Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

(Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Hoàng V trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh V và chị Nguyễn Thị T chung sống và đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 18 tháng 5 năm 2015.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng liên tục xảy ra những mâu thuẫn, tranh cãi gay gắt mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc tính tình không hợp nhau và quan điểm sống quá khác biệt.

Anh V nhận thấy rằng sẽ khó có thể tiếp tục xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc như mong muốn trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng như vậy.

Chị T đã bỏ nhà đi từ năm 2019, từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ còn ràng buộc với nhau về mặt pháp lý nên anh V yêu cầu được ly hôn với chị T.

- *Về con chung*: Anh V và chị T có 02 con chung là cháu Lê Vũ T1, sinh ngày 19/8/2012 và cháu Lê Mỹ N, sinh ngày 15/3/2014. Sau khi ly hôn, anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung; không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của chị T được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn anh Lê Hoàng V và chị Nguyễn Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn chị Nguyễn Thị T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 05 tháng 3 năm 2021, anh Lê Hoàng V có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn chị Nguyễn Thị T đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Hoàng V và bị đơn chị Nguyễn Thị T đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh V và chị T chung sống với nhau từ năm 2015, ngày 18 tháng 5 năm 2015 anh V và chị T đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa anh V và chị T là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình; do đó hôn nhân giữa anh V và chị T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, anh V xác định vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian gần đây thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; từ năm 2019 cho đến nay, anh V và chị T sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Việc, anh V và chị T không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ chị T nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng chị T vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ chị T không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa anh V và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của anh V, cho anh V được ly hôn với chị T.

[2.2]. *Về con chung*: Anh V và chị T có 02 con chung là cháu Lê Vũ T1, sinh ngày 19/8/2012 và cháu Lê Mỹ N, sinh ngày 15/3/2014. Sau khi ly hôn, anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án anh V xác định có đủ khả năng nuôi dạy con chung, mặc dù không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án; tuy nhiên, từ năm 2019 cho đến nay, anh V và chị T không còn chung sống với nhau nữa nhưng các con chung vẫn đang trực tiếp chung sống với anh V, đồng thời các con đều có nguyện vọng được ở với anh V. Còn chị T, không đến Tòa án làm việc nên không biết được nguyện vọng và khả năng của chị T về phần con chung là như thế nào. Vì vậy, để các con chung có điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội, cần giao các con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên yêu cầu của anh V về phần con chung được chấp nhận.

[2.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[4]. *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh V phải chịu 300.000 đồng; chị T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 238, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Hoàng V về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị T.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lê Hoàng V được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

1.2. *Về con chung*: Anh Lê Hoàng V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung là cháu Lê Vũ T1, sinh ngày 19/8/2012 và cháu Lê Mỹ N, sinh ngày 15/3/2014.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không xem xét giải quyết.

1.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.5. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Hoàng V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Lê Hoàng V đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051369 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng